BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Số: 328 /ĐA-YDHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 5 năm 2024

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2024

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án):

1. Tên trường: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
2. Mã trường: **YPB**
3. Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bỉnh Khiêm - Ngô Quyền - Hải Phòng
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: hpmu.edu.vn
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội (có thông tin tuyển sinh):
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02253.731.168
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:
http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Quy-Che-Cong-Khai/

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Y khoa	Đại học	500	544	509	94.37%
Y học dự phòng	Đại học	60	45	35	96.15%
Y học cổ truyền	Đại học	70	73	54	92.11%
Dược học	Đại học	150	154	102	98.44%
Điều dưỡng	Đại học	200	190	103	85.37%
Răng - Hàm - Mặt	Đại học	80	91	86	95.83%
Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	80	79	66	88.89%
Tổng		**1140**	**1176**	**955**	**92.95%**

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:
http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

STT	Năm 2022	Năm 2023
1	Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2022	Xét tuyển theo kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2023
2	Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh (Điều 8)	Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh (Điều 8)
3	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12
4	Phương thức khác	Phương thức khác

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành VI						
- Y đa khoa						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	350	286	26.2	350	374	25.35
+ Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa	150	177	25.6	150	170	24.63
- Y học dự phòng						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	60	28	19.10	42	23	19.00
- Y học dự phòng (xét học bạ THPT)	-	-	-			
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh				18	22	22.75
- Y học cổ truyền						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	70	65	21.00	70	73	21.80
- Dược học						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	60	59	25.30	60	64	24.41
+ Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa	60	60	25.10	60	60	23.43
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Anh	30	33	24.30	30	30	23.40
- Điều dưỡng						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	200	128	19.05	140	130	20.25
- Điều dưỡng (xét học bạ THPT)	-	-	-			
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh				60	60	18.95
- Răng hàm mặt						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	80	26.00	80	91	25.40
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học						
+ Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	81	23.45	80	79	22.75
Tổng	**1140**	**1107**		**1140**	**1176**	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:
Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo: http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Y khoa	7720101	12/2001/QĐ-BGDĐT	26/04/2001	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		1979	2023
2	Y học dự phòng	7720110	1851/QĐ-BGDĐT	13/04/2007	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2023
3	Y học cổ truyền	7720115	4605/QĐ-BGDĐT	16/10/2014	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2015	2023
4	Dược học	7720201	2532/QĐ-BGDĐT	22/06/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2023
5	Điều dưỡng	7720301	5235/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	14/09/2004	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2005	2023
6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	1278/QĐ-BGDĐT	24/03/2008	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2009	2023
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	2899/QĐ-BGDĐT	13/04/2009	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2009	2023
8	Nội khoa	8720107	7610/QĐ/BGDĐT	25/12/2006	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2023
9	Ngoại khoa	8720104	2991/QĐ/BGDĐT	29/05/2008	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2008	2023
10	Nhi khoa	8720106	7610/QĐ/BGDĐT	25/12/2006	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2007	2023
11	Y tế công cộng	8720701	4304/QĐ/BGDĐT	20/07/2004	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2005	2023
12	Y học biển	8729004	4385/QĐ/BGDĐT	23/09/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2023
13	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8720601	1776/QĐ-BGDĐT	24/06/2019				2019	2023
14	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	3531/QĐ-BGDĐT	09/11/2020				2021	2023
15	Điều dưỡng	8720301	328/QĐ-BGDĐT	18/01/2024				2024	-
16	Nội khoa	9720107	1331/QĐ/BGDĐT	19/04/2017	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2017	2023
17	Ngoại khoa	9720104	1331/QĐ/BGDĐT	19/04/2017	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2017	2023
18	Nhi khoa	9720106	2003/QĐ/BGDĐT	04/06/2014	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2014	2023
19	Y tế công cộng	9720701	4386/QĐ/BGDĐT	23/09/2011	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018		2012	2023

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng:

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng:

http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Quy-Che-Cong-Khai/

10.1 Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học):

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo
A	**SAU ĐẠI HỌC**		**79**
1	Tiến sĩ		21
1.1	Sức khỏe		21
1.1.1	Ngoại khoa	9720104	10
1.1.2	Nhi khoa	9720106	4
1.1.3	Nội khoa	9720107	2
1.1.4	Y tế công cộng	9720701	6
2	Thạc sĩ		58
2.1	Sức khỏe		58
2.1.1	Ngoại khoa	8720104	3
2.1.2	Nhi khoa	8720106	13
2.1.3	Nội khoa	8720107	13
2.1.4	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	7
2.1.5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8720601	13
2.1.6	Y tế công cộng	8720701	6
2.1.7	Y học biển	8729004	3
B	**ĐẠI HỌC**		**6493**
3	Đại học chính quy		6448
3.1	Chính quy		5958
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		-
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		5958
3.1.2.1	Sức khỏe		5958
3.1.2.1.1	Y khoa	7720101	3223
3.1.2.1.2	Y học dự phòng	7720110	210
3.1.2.1.3	Y học cổ truyền	7720115	375
3.1.2.1.4	Dược học	7720201	729
3.1.2.1.5	Điều dưỡng	7720301	635
3.1.2.1.6	Răng - Hàm - Mặt	7720501	475
3.1.2.1.7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	311
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		433
3.2.1	Sức khỏe		433
3.2.1.1	Y khoa	7720101	433
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		57
3.3.1	Sức khỏe		57
3.3.1.1	Dược học	7720201	57
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		-
4	Đại học vừa làm vừa học		45

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Quy mô đào tạo
4.1	Vừa làm vừa học		-
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		-
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		45
4.3.1	Sức khỏe		45
4.3.1.1	Điều dưỡng	7720301	44
4.3.1.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	01
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		-
5	Từ xa		-

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Tổng diện tích đất của trường: 52115.9 m^2
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 405 phòng - 2650 sinh viên.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 7.48 m^2/01 sinh viên.

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	240	13393.68
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	944
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	500
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	28	1999.5
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2	86.3
1.5	Số phòng học đa phương tiện	17	2253.5
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	187	7610.38
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1001.2
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	237	33816.44
	Tổng	**478**	**48211.32**

10.3. Danh sách giảng viên:

Đường link công khai danh sách giảng viên:
http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Quy-Che-Cong-Khai/

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh:
http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường:
http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/

13. Đường link công khai chương trình đào tạo trình độ đại học:
http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/BAN-MO-TA-CHUONG-TRINH-3777/

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Theo quy định tại điều 5 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

STT	Tên phương thức	Mã phương thức
1	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024	**100**
2	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	**301**
3	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	**200**
4	Phương thức khác (Áp dụng để xét tuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học và lưu học sinh nước CHDCND Lào)	**500**

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1	Tổ hợp xét tuyển 2
1	Đại học	7720101A	Y khoa (A)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	130	A00 (Toán - Lý - Hóa)	-
2	Đại học	7720101B	Y khoa (B)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	320	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
3	Đại học	7720101HB	Y khoa (HB)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (xét 03 năm THPT)	100	A00 (Toán - Lý - Hóa)	B00 (Toán - Hóa - Sinh)
4	Đại học	7720110	Y học dự phòng	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	40	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
5	Đại học	7720110HB	Y học dự phòng (HB)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (xét lớp 12 THPT)	40	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
6	Đại học	7720115	Y học cổ truyền	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	90	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1	Tổ hợp xét tuyển 2
7	Đại học	7720115HB	Y học cổ truyền (HB)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (xét lớp 12 THPT)	30	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
8	Đại học	7720201A	Dược học (A)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	60	A00 (Toán - Lý - Hóa)	-
9	Đại học	7720201B	Dược học (B)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	60	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
10	Đại học	7720201D	Dược học (D)	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	30	D07 (Toán - Hóa - Anh)	-
11	Đại học	7720201HB	Dược học (HB)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (xét 03 năm THPT)	50	A00 (Toán - Lý - Hóa)	B00 (Toán - Hóa - Sinh)
12	Đại học	7720301	Điều dưỡng	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	140	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
13	Đại học	7720301HB	Điều dưỡng (HB)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (xét lớp 12 THPT)	60	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
14	Đại học	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	80	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
15	Đại học	7720501HB	Răng - Hàm - Mặt (HB)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (xét 03 năm THPT)	20	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-
16	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100; 301; 500	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024; Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8); Phương thức khác	80	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1	Tổ hợp xét tuyển 2
17	Đại học	7720601HB	Kỹ thuật xét nghiệm y học (HB)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (xét lớp 12 THPT)	20	B00 (Toán - Hóa - Sinh)	-

1.5. Ngưỡng đầu vào:

a. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kì thi tốt nghiệp THPT năm 2024:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có điểm xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường.

b. Phương thức xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

- Đối với các ngành Y khoa, Dược học, Răng - Hàm - Mặt: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024, có học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên và có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn (tính đến 30/6/2024) gồm: IELTS 5.0 trở lên hoặc TOEFL iBT 58 trở lên hoặc DELF B1 trở lên.

- Đối với ngành Y học cổ truyền: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và có học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên.

- Đối với ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 và có học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

- Đối với các ngành Y học dự phòng, Điều dưỡng: Thí sinh tốt nghiệp THPT các năm 2022, 2023, 2024 và có học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

** Lưu ý: Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sử dụng làm điều kiện đăng kí xét tuyển các ngành Y khoa, Dược học, Răng - Hàm - Mặt theo quy định tại điểm c mục 1.8.*

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

a. Mã trường: **YPB**

b. Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển:

Theo bảng tại **mục 1.4**

c. Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh được đăng kí xét tuyển không giới hạn số lượng nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Đối với từng ngành, từng phương thức xét tuyển, thí sinh được xét tuyển bình đẳng không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

- Trường hợp thí sinh đăng kí xét tuyển nhiều ngành, nhiều phương thức thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng kí.

- Điểm xét tuyển đối với phương thức xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024: là tổng điểm của các môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Điểm xét tuyển đối với phương thức xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

+ Đối với các ngành Y khoa, Dược học, Răng - Hàm - Mặt: là điểm trung bình chung học tập 03 năm học THPT (bao gồm điểm trung bình cả năm của các năm lớp 10, lớp 11, lớp 12) của các môn thuộc tổ hợp môn đăng kí xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

+ Đối với các ngành Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: là điểm trung bình học tập cả năm lớp 12 THPT của các môn thuộc tổ hợp môn đăng kí xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành, từng phương thức xét tuyển (xét điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng chỉ tiêu của ngành xét tuyển) và không thấp hơn ngưỡng đầu vào.

d. Điều kiện phụ trong xét tuyển:

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn:

- Tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Sinh học: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học; ưu tiên 3: môn Hóa học; ưu tiên 4: môn Toán học.

- Tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Vật lý: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học; ưu tiên 3: môn Toán học; ưu tiên 4: môn Vật lý.

- Tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Tiếng Anh: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học; ưu tiên 3: môn Toán học; ưu tiên 4: môn Tiếng Anh.

e. Yêu cầu đối với thí sinh trúng tuyển:

- Thí sinh trúng tuyển cần xác nhận nhập học và đến trường làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không đến nhập học nếu không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học.

- Thí sinh cần nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo thông báo của nhà trường khi đến nhập học, đặc biệt là các giấy tờ liên quan đến ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ, chế độ hưởng ưu tiên của thí sinh. Trường có quyền từ chối tiếp nhận nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin hồ sơ nhập học.

- Sau khi thí sinh nhập học, Trường sẽ tổ chức xác minh hồ sơ nhập học của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký xét tuyển với nhà trường và trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Trường hợp phát hiện sai sót (nếu có), Trường có quyền buộc thôi học thí sinh hoặc xử lý theo các quy định tuyển sinh hiện hành.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

a. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024:

- Điều kiện đăng kí xét tuyển: Theo quy định tại điểm a mục 1.5.

- Thời gian đăng kí xét tuyển: Từ ngày 18/7/2024 đến 17h00 ngày 30/7/2024.

- Hình thức đăng kí xét tuyển: Thí sinh đăng ký trực tuyến trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT hoặc cổng dịch vụ công quốc gia theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

b. Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (Điều 8):

- Điều kiện xét tuyển thẳng: Theo quy định tại điểm b mục 1.8.

- Hình thức đăng kí xét tuyển: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi chuyển phát nhanh có bảo đảm.

(Lưu ý: Bên cạnh việc nộp hồ sơ cho Trường, các thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển thẳng cần đăng kí nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT và xác nhận nhập học trong thời gian quy định hoặc lựa chọn đăng kí xét tuyển theo kế hoạch chung như các thí sinh khác)

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đăng kí xét tuyển *(Theo mẫu của Bộ GD&ĐT).*

+ Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT; giải khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế.

+ Báo cáo đầy đủ và báo cáo tóm tắt đề tài đoạt giải (bản tiếng Việt: đối với những thí sinh đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia; Bản tiếng Anh và tiếng Việt: đối với những thí sinh đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế).

+ Các giấy tờ minh chứng cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham dự *(công văn, quyết định cử tham dự; quyết định khen thưởng...)*

+ Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (nếu có).

+ Bản sao công chứng bài báo quốc tế (nếu có).

+ Bản sao công chứng căn cước công dân.

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 17/6/2024 đến 17h00 ngày 30/6/2024.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (Phòng A104, Tầng 1, Nhà A) - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, số 72A Nguyễn Bỉnh Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng.

c. Ưu tiên xét tuyển:

- Điều kiện ưu tiên xét tuyển: Theo quy định tại điểm c mục 1.8.

- Hình thức đăng kí xét tuyển: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi chuyển phát nhanh có bảo đảm.

(Lưu ý: Bên cạnh việc nộp hồ sơ cho Trường, các thí sinh được ưu tiên xét tuyển cần đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT hoặc cổng dịch vụ công quốc gia trong thời gian quy định)

- Hồ sơ gồm:

+ Đơn đăng kí ưu tiên xét tuyển *(Theo mẫu của Bộ GD&ĐT).*

+ Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh/thành phố (đối với các thí sinh đăng kí ưu tiên xét tuyển theo giải học sinh giỏi THPT cấp quốc gia, cấp tỉnh/thành phố)

+ Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (đối với các thí sinh đăng kí ưu tiên xét tuyển theo chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế).

+ Bản sao công chứng căn cước công dân.

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 17/6/2024 đến 17h00 ngày 30/6/2024.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (Phòng A104, Tầng 1, Nhà A) - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, số 72A Nguyễn Bỉnh Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng.

d. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

- Điều kiện đăng kí xét tuyển: Theo quy định tại điểm b mục 1.5.

- Thời gian đăng kí xét tuyển: Từ ngày 18/7/2024 đến 17h00 ngày 30/7/2024.

- Hình thức đăng kí xét tuyển: Thí sinh đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT hoặc cổng dịch vụ công quốc gia theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

** Lưu ý:*

- Đối các ngành Y khoa, Dược học, Răng - Hàm - Mặt bên cạnh việc đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT, thí sinh cần nộp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế về Trường để làm điều kiện sơ tuyển đầu vào *(Thí sinh nộp theo hồ sơ đăng kí ưu tiên xét tuyển để vừa làm điều kiện sơ tuyển đầu vào vừa làm điều kiện ưu tiên xét tuyển. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ, thí sinh tham khảo theo quy định tại điểm c mục 1.7).*

- Thí sinh khi đăng kí xét tuyển trên Hệ thống trang nghiệp vụ của Bộ GD&ĐT cần làm theo đúng hướng dẫn và cung cấp đầy đủ thông tin trên Hệ thống đặc biệt là thông tin học bạ THPT, kết quả học tập các môn học cả 03 năm THPT, thông tin đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên (nếu có) để Trường làm căn cứ tiến hành xét tuyển. Trường hợp thí sinh không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu sẽ bị loại khỏi danh sách xét tuyển.

e. Xét tuyển theo phương thức khác (Áp dụng để xét tuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học và lưu học sinh nước CHDCND Lào):

- Điều kiện đăng kí xét tuyển, hồ sơ, thời gian, hình thức đăng kí xét tuyển sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh của nhà trường.

1.8. Chính sách ưu tiên:

a. Ưu tiên khu vực và đối tượng:

Theo quy định tại điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó:

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 điều 7 - Quy chế tuyển sinh.

b. Đối tượng tuyển thẳng:

- Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn: Toán học, Hóa học, Sinh học, Vật lý do Bộ GD&ĐT tổ chức được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn: Toán học, Hóa học, Sinh học, Vật lý do Bộ GD&ĐT tổ chức; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; đã tốt nghiệp THPT và có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày 30/6/2024) gồm: IELTS 5.0 trở lên, TOEFL iBT 58 trở lên, DELF B1 trở lên hoặc có bài báo quốc tế được Hội đồng tuyển sinh và Hội

đồng khoa học của Trường xem xét kết quả đề tài, tính phù hợp của chuyên ngành đoạt giải với lĩnh vực sức khỏe để xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; đã tốt nghiệp THPT được Hội đồng tuyển sinh và Hội đồng khoa học của Trường xem xét kết quả đề tài, tính phù hợp của chuyên ngành đoạt giải với lĩnh vực sức khỏe để xét tuyển thẳng vào các ngành: Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Số lượng tuyển thẳng tối đa 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành. Nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành, nhà trường sẽ xét tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

+ ưu tiên 1: theo thứ tự giải; ưu tiên 2: chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế; ưu tiên 3: điểm trung bình tổng kết 3 năm THPT.

** Lưu ý: Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sử dụng làm điều kiện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm c mục 1.8.*

c. Đối tượng ưu tiên xét tuyển:

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn: Toán học, Hóa học, Sinh học, Vật lý do Bộ GD&ĐT tổ chức; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét ưu tiên được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển với mức điểm cộng như sau:

+ Giải nhất: cộng 5.0 điểm
+ Giải nhì: cộng 4.0 điểm
+ Giải ba: cộng 3.0 điểm
+ Giải khuyến khích: cộng 2.0 điểm

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố các môn: Toán học, Hóa học, Sinh học, Vật lý do Sở GD&ĐT các tỉnh/thành phố tổ chức; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét ưu tiên được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển với mức điểm cộng như sau:

+ Giải nhất: cộng 2.0 điểm
+ Giải nhì: cộng 1.5 điểm
+ Giải ba: cộng 1.0 điểm

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày 30/6/2024) được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển với mức điểm cộng như sau:

TT	IELTS (Do British Council hoặc International Development Program cấp)	TOEFL iBT (Do Educational Testing Service cấp)	DELF/DALF (Do Bộ Giáo dục Pháp cấp)	Điểm cộng
1	7.5 trở lên	96 - 120	DALF C1 trở lên	3.0
2	6.5 - 7.0	81 - 95	DELF B2	2.0
3	5.0 - 6.0	58 - 80	DELF B1	1.0

** Lưu ý:*

- Trường không chấp nhận chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thi theo hình thức Home Edition thi sau ngày 10/9/2022 (căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 889/QLCL-QLVBCC ngày 09/6/2023 Vv hướng dẫn xác minh chứng chỉ năng lực ngoại ngữ nước ngoài).

- Trường hợp thí sinh thuộc nhiều nhóm đối tượng được cộng điểm ưu tiên, thí sinh chỉ được hưởng một mức điểm thưởng cao nhất.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024 của Trường.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Học phí dự kiến năm học 2024-2025 áp dụng cho khóa tuyển sinh đầu vào năm 2024 như sau:

Đơn vị: đồng/tháng/sinh viên

Y khoa	Răng - Hàm - Mặt	Y học dự phòng	Y học cổ truyền	Dược học	Điều dưỡng	Kĩ thuật XNYH
4.500.000	4.500.000	3.900.000	3.900.000	4.500.000	3.500.000	3.500.000

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt 1: Theo kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học năm 2024 do Bộ GD&ĐT ban hành.
- Tuyển sinh bổ sung: Từ tháng 09/2024 (nếu có).

1.12. Tài chính:

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 185.607.000.000 đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 34.680.000 đồng/sinh viên/năm.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển ngành Y khoa phải có bằng tốt nghiệp Y sĩ.
- Thí sinh dự tuyển ngành Dược học phải có bằng tốt nghiệp Dược sĩ cao đẳng.

2.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh:

Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12 theo tổ hợp môn đăng kí xét tuyển.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Đại học	7720101LT	Y khoa (LT)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12	110	12/2001/QĐ-BGDĐT	26/04/2001	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1984
2	Đại học	7720201LT	Dược học (LT)	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12	40	1242/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYDHP	2020

2.5. Ngưỡng đầu vào:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

a. Mã trường: **YPB**

b. Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Hình thức đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ
1	Liên thông chính quy (TC-ĐH)	7720101LT	Y khoa (LT)	110	A00 (Toán - Lý - Hóa); B00 (Toán - Hóa - Sinh)	Đạt một trong các tiêu chí sau: - Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên; - Điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên; - Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên; - Học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo; - Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng đạt loại giỏi trở lên; - Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.
2	Liên thông chính quy (CĐ-ĐH)	7720201LT	Dược học (LT)	40	A00 (Toán - Lý - Hóa); B00 (Toán - Hóa - Sinh)	

c. Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 bậc THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành, từng phương thức xét tuyển (xét điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng chỉ tiêu của ngành xét tuyển).

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau:

Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học; ưu tiên 3: môn Hóa học; ưu tiên 4: môn Toán học; ưu tiên 5: môn Vật lý.

d. Yêu cầu đối với thí sinh trúng tuyển:

- Thí sinh trúng tuyển cần xác nhận nhập học và đến trường làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không đến nhập học nếu không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học.

- Thí sinh cần nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo thông báo của nhà trường khi đến nhập học, đặc biệt là các giấy tờ liên quan đến ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ, chế độ hưởng ưu tiên của thí sinh. Trường có quyền từ chối tiếp nhận nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin hồ sơ nhập học.

- Sau khi thí sinh nhập học, Trường sẽ tổ chức xác minh hồ sơ đăng kí xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký xét tuyển với nhà trường và trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Trường hợp phát hiện sai sót (nếu có), Trường có quyền buộc thôi học thí sinh hoặc xử lý theo các quy định tuyển sinh hiện hành.

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian, hồ sơ, hình thức đăng kí xét tuyển... sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2024 của Trường.

2.8. Chính sách ưu tiên:

Theo quy định tại điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó:

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 điều 7 - Quy chế tuyển sinh.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo thông báo tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2024 của Trường.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Học phí dự kiến năm học 2024-2025 áp dụng cho khóa tuyển sinh đầu vào năm 2024 như sau:

- Y khoa: 4.500.000 đồng/tháng/sinh viên.

- Dược học: 4.500.000 đồng/tháng/sinh viên.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt 1: Theo thông báo tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2024 của Trường.

- Tuyển sinh đợt bổ sung: Từ tháng 09/2024 (nếu có).

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- Đối với khóa tuyển sinh đầu vào từ năm 2024, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng sẽ áp dụng chương trình đào tạo ngành Y khoa 06 năm và Dược học 05 năm để đào tạo hệ liên thông chính quy. Thông tin chi tiết về chương trình đào tạo trình độ đại học, thí sinh tham khảo tại đường link sau:

http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/BAN-MO-TA-CHUONG-TRINH-3777/

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học:

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học:

http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Dai-Hoc-32/

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển ngành Điều dưỡng phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng.

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

- Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) lớp 12 theo tổ hợp môn đăng kí xét tuyển và điểm trung bình chung toàn khoá bậc cao đẳng.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Đại học	7720301	Điều dưỡng (từ CĐ lên ĐH)	500	Phương thức khác	40	1243/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYDHP	2018

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

a. Mã trường: **YPB**

b. Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	Hình thức đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ
1	Liên thông VLVH (CĐ-ĐH)	7720301	Điều dưỡng	40	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC toàn khóa bậc cao đẳng	Đạt một trong các tiêu chí sau: - Học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên; - Điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên; - Tốt nghiệp THPT loại khá trở lên; - Học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo; - Tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá trở lên.

c. Nguyên tắc xét tuyển:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 bậc THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển cộng với điểm TBC toàn khóa bậc cao đẳng cộng với điểm ưu tiên (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Điểm xét tuyển được quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm tối đa là 30, cụ thể như sau:

Điểm xét tuyển = [(Điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT các môn Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC toàn khóa bậc cao đẳng)/4] x 3 + Điểm ưu tiên (nếu có).

- Đối với các thí sinh chỉ có điểm TBC toàn khóa bậc cao đẳng theo thang điểm 4 được quy đổi về thang điểm 10 theo công thức: *(Điểm TBC toàn khóa bậc cao đẳng/4) x 10.*

- Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành, từng phương thức xét tuyển (xét điểm từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển cho đến hết số lượng chỉ tiêu của ngành xét tuyển).

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau:

Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học; ưu tiên 3: môn Hóa học; ưu tiên 4: môn Toán học.

d. Yêu cầu đối với thí sinh trúng tuyển:

- Thí sinh trúng tuyển cần xác nhận nhập học và đến trường làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không đến nhập học nếu không có lý do chính đáng được xem như từ chối nhập học.

- Thí sinh cần nộp đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo thông báo của nhà trường khi đến nhập học, đặc biệt là các giấy tờ liên quan đến ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ, chế độ hưởng ưu tiên của thí sinh. Trường có quyền từ chối tiếp nhận nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin hồ sơ nhập học.

- Sau khi thí sinh nhập học, Trường sẽ tổ chức xác minh hồ sơ đăng kí xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký xét tuyển với nhà trường. Trường hợp phát hiện sai sót (nếu có), Trường có quyền buộc thôi học thí sinh hoặc xử lý theo các quy định tuyển sinh hiện hành.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian, hồ sơ, hình thức đăng kí xét tuyển... sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2024 của Trường.

1.8. Chính sách ưu tiên:

Theo quy định tại điều 7 - Chương I - Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó:

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.
- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 điều 7 - Quy chế tuyển sinh.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo thông báo tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2024 của Trường.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Học phí dự kiến năm học 2024-2025 áp dụng cho khóa tuyển sinh đầu vào năm 2024 như sau:

- Điều dưỡng: 5.200.000 đồng/tháng/sinh viên.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt 1: Theo thông báo tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học năm 2024 của Trường.
- Tuyển sinh đợt bổ sung: Từ tháng 09/2024 (nếu có)

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

Thông tin chi tiết về chương trình đào tạo trình độ đại học, thí sinh tham khảo tại đường link sau:

http://hpmu.edu.vn/hpmu/news/Chuong-trinh-chi-tiet-cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/BAN-MO-TA-CHUONG-TRINH-3777/

Cán bộ kê khai:
Họ tên: Nguyễn Mạnh Hùng
Số điện thoại: 0937.120.991
Email: nguyenmanhhung129@gmail.com

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai